

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 360/2017/QĐST- HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 636/2017/TLST/HNGĐ ngày 06-7-2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Việt H, sinh năm 1984

Địa chỉ đường N, phường B, TP.V, tỉnh B

Bị đơn: Bà Nguyễn Bằng L, sinh năm 1984

Địa chỉ nhà A, đường B, quận K, TP.H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20-7-2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20-7-2017 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Việt H và bà Nguyễn Bằng L.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông Lê Việt H và bà Nguyễn Bằng L thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Lê Việt H và bà Nguyễn Bằng L có hai con chung gồm: Lê Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 25-6-2006 và Lê Nguyễn Minh K2, sinh ngày 26-8-2010. Theo nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của các đương sự, bà Nguyễn Bằng L được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Nguyễn Nguyên K và Lê Nguyễn Minh K2. Ông Lê Việt H cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000 đồng/02 cháu/tháng; ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Sau ly hôn, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận. Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Việt H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng);

- Án phí dân sự không có giá ngạch (về án phí cấp dưỡng tiền nuôi con): Ông Lê Việt H phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tất cả số tiền án phí trên được khấu trừ vào số tiền ông Lê Việt H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0004768 ngày 05-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V; Ông H đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP.V;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.V;
- UBND xã M, huyện T, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.